

# TÀI LIỆU API HỆ THỐNG ESMS.VN

## Contents

I.	GIỚI THIỆU HỆ THỐNG API.....	2
II.	CÁC HÀM GỬI TIN CỦA HỆ THỐNG.....	3
1.	Hàm lấy số dư.....	3
	Thông số.....	3
	Thông tin trả về.....	3
2.	Hàm gửi tin nhắn.....	4
	Thông số.....	5
	Thông tin trả về.....	8
3.	Hàm kiểm tra trạng thái tin nhắn.....	9
	Thông số.....	10
	Thông tin trả về.....	10
4.	Hàm kiểm tra chi tiết từng số trong tin nhắn.....	12
	Thông số.....	13
	Thông tin trả về.....	13
5.	Hàm lấy danh sách tin nhắn theo khoảng thời gian.....	14
	Thông số.....	14
	Thông tin trả về.....	15
6.	Hàm lấy danh sách brandname.....	16
	Thông số.....	17
	Thông tin trả về.....	17
III.	CÁC HÀM TẠO CUỘC GỌI TỰ ĐỘNG.....	19
1.	Hàm tạo cuộc gọi tự động theo Template.....	19
	Thông số.....	19
	Thông tin trả về.....	20
2.	Hàm tạo cuộc gọi tự động từ file ghi âm.....	21
	Thông số.....	22
	Thông tin trả về.....	23

## I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG API

Nếu Website, hệ thống của bạn đang cần tính năng gửi SMS đến điện thoại chẳng hạn như nhắn mã xác nhận khi đăng ký Website, hay phần mềm quản lý nhân sự cần nhắn tin thông báo lịch họp, chúc mừng sinh nhật nhân viên ... Hệ thống **SMS API** của eSMS sẽ đáp ứng được hoàn toàn các yêu cầu của bạn.

Hệ thống API của chúng tôi đảm bảo tính nhanh, đơn giản, tin cậy và dễ dàng tích hợp vào bất kỳ hệ thống nào.

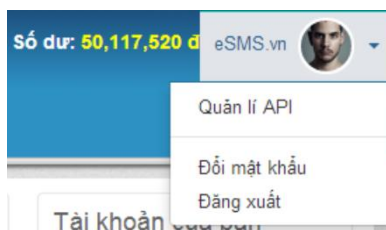
Có thể kết nối bằng tất cả các ngôn ngữ lập trình như C#, Java, ASP.NET, PHP.

### **Cơ chế hoạt động:**

- Kết nối thông qua HTTP Request: POST/Get
- Xác thực: các request của bạn sẽ được hệ thống xác thực thông qua APIkey và SecretKey, 2 key này sẽ được cấp sau khi bạn đăng ký tài khoản tại eSMS.vn

Trước khi sử dụng eSMS API vui lòng [đăng ký tài khoản](#) tại esms.vn để lấy APIKey và Secretkey. **(Có ngay 50 SMS dùng thử)**

Sau khi đăng ký xong bạn truy cập vào Menu Quản lý API để lấy key



Lưu ý: phần này dành cho các lập trình viên, các đơn vị có bộ phận IT. Nếu bạn không có bộ phận IT và muốn chúng tôi hỗ trợ tích hợp liên hệ với chúng tôi qua số Hotline: **0902.435.340**

Xem bài hướng dẫn chi tiết và tải code mẫu tại đây:

[esms.vn/blog/3-buoc-de-co-the-gui-tin-nhan-tu-website-ung-dung-cua-ban-bang-sms-api-cua-esmsvn](http://esms.vn/blog/3-buoc-de-co-the-gui-tin-nhan-tu-website-ung-dung-cua-ban-bang-sms-api-cua-esmsvn)

## II. CÁC HÀM GỬI TIN CỦA HỆ THỐNG

### 1. Hàm lấy số dư

Đây là hàm cơ bản đầu tiên mà bạn nên thử, hàm giúp bạn lấy về số dư trong tài khoản của bạn.

#### URL Request:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/GetBalance/{ApiKey}/{SecretKey}>

Yêu cầu này bao gồm:

- URL Cơ sở
- Các tham số

#### URL cơ sở

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai tùy theo kiểu dữ liệu trả về mong muốn

JSON	XML
<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/</a>	<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/</a>

#### Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		

#### Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{   "Balance": 7527430,   "CodeResponse": "100" ,   "UserID": 0001 }</pre>	<pre>&lt;MemberModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"&gt;   &lt;Balance&gt;7527430&lt;/Balance&gt;   &lt;CodeResponse&gt;100&lt;/CodeResponse&gt;   &lt;UserID&gt;0001&lt;/UserID&gt; &lt;/MemberModel&gt;</pre>

### Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
100	Request thành công.
99	Lỗi không xác định, thử lại sau
101	Đăng nhập thất bại (api key hoặc secret key không đúng)
102	Tài khoản đã bị khóa
103	Số dư tài khoản không đủ để gửi tin
104	Mã Brandname không đúng

## 2. Hàm gửi tin nhắn

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn đến 1 hoặc nhiều số điện thoại.

eSMS hỗ trợ nhiều hình thức đầu số hiển thị khác nhau như đầu số di động 10 số hoặc Brandname (tên công ty)

Tuy nhiên để gửi được tin nhắn Brandname bạn cần đăng ký Brandname với chúng tôi. Để đăng ký vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh: 0902.435.340

### Request:

Url Request có dạng:

**[http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage\\_V4\\_get?Phone={Phone}&Content={Content}&ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&IsUnicode={IsUnicode}&Brandname={Brandname}&SmsType={SmsType}](http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_get?Phone={Phone}&Content={Content}&ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&IsUnicode={IsUnicode}&Brandname={Brandname}&SmsType={SmsType})**

Request mẫu:

**[http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage\\_V4\\_get?Phone=09xxxx&Content=DemoText&ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&SmsType=4](http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_get?Phone=09xxxx&Content=DemoText&ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&SmsType=4)**

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/</a>	<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/</a>

### Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
Content	Nội dung gửi đến người nhận	Có.
APIKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc														
SecretKey	Thông tin <b>SecretKey</b> được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có														
SmsType	<p>Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau. Vui lòng liên hệ hotline 0902435340 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <table border="1"><thead><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Brandname quảng cáo</td></tr><tr><td>2</td><td>Brandname chăm sóc khách hàng</td></tr><tr><td>3</td><td>Đầu số ngẫu nhiên: dùng cho quảng cáo, tốc độ thấp</td></tr><tr><td>4</td><td>Đầu số cố định Notify dùng cho cả quảng cáo và chăm sóc khách hàng</td></tr><tr><td>6</td><td>Đầu số cố định Verify dùng cho chăm sóc khách hàng, mã xác thực</td></tr><tr><td>7</td><td>OTP: tin nhắn tốc độ cao, đầu số ngẫu nhiên</td></tr></tbody></table>	Giá trị	Ý nghĩa	1	Brandname quảng cáo	2	Brandname chăm sóc khách hàng	3	Đầu số ngẫu nhiên: dùng cho quảng cáo, tốc độ thấp	4	Đầu số cố định Notify dùng cho cả quảng cáo và chăm sóc khách hàng	6	Đầu số cố định Verify dùng cho chăm sóc khách hàng, mã xác thực	7	OTP: tin nhắn tốc độ cao, đầu số ngẫu nhiên	Có.
Giá trị	Ý nghĩa															
1	Brandname quảng cáo															
2	Brandname chăm sóc khách hàng															
3	Đầu số ngẫu nhiên: dùng cho quảng cáo, tốc độ thấp															
4	Đầu số cố định Notify dùng cho cả quảng cáo và chăm sóc khách hàng															
6	Đầu số cố định Verify dùng cho chăm sóc khách hàng, mã xác thực															
7	OTP: tin nhắn tốc độ cao, đầu số ngẫu nhiên															

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc						
	<table border="1"> <tr> <td>8</td> <td> <p>Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng.</p> <p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để sử dụng.</p> </td> </tr> <tr> <td>13</td> <td> <p>Tin nhắn 2 chiều: cho phép khách hàng trả lời lại(không được phép gửi tin quảng cáo)</p> </td> </tr> </table>	8	<p>Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng.</p> <p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để sử dụng.</p>	13	<p>Tin nhắn 2 chiều: cho phép khách hàng trả lời lại(không được phép gửi tin quảng cáo)</p>			
8	<p>Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng.</p> <p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để sử dụng.</p>							
13	<p>Tin nhắn 2 chiều: cho phép khách hàng trả lời lại(không được phép gửi tin quảng cáo)</p>							
IsUnicode	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td> <p>Có Unicode: gửi tin nhắn có dấu. Chỉ áp dụng với SMSTYPE=3</p> <p>(Không khuyến dùng)</p> </td> </tr> <tr> <td>0</td> <td> <p>Không Unicode</p> </td> </tr> </tbody> </table>	Mã	Ý nghĩa	1	<p>Có Unicode: gửi tin nhắn có dấu. Chỉ áp dụng với SMSTYPE=3</p> <p>(Không khuyến dùng)</p>	0	<p>Không Unicode</p>	<p>Đối với văn bản loại SMS.</p>
Mã	Ý nghĩa							
1	<p>Có Unicode: gửi tin nhắn có dấu. Chỉ áp dụng với SMSTYPE=3</p> <p>(Không khuyến dùng)</p>							
0	<p>Không Unicode</p>							
Brandname	<p>Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó).</p> <p>Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.</p>	<p>Có khi gửi brandname.</p>						

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc						
Sandbox	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>0</td> <td>Không thử nghiệm, gửi tin đi thật</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)</td> </tr> </tbody> </table>	Mã	Ý nghĩa	0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật	1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)	Không
Mã	Ý nghĩa							
0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật							
1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)							
RequestId	ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. <b>Ví dụ:</b> requestid=123456	Không						
SendDate	Đặt lịch gửi tin	Không						

## Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{   "CodeResult": "100",   "CountRegenerate": "0",   "SMSID": "24342680" }</pre>	<pre>&lt;SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPIModel" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"&gt;   &lt;CodeResult&gt;100&lt;/CodeResult&gt;   &lt;CountRegenerate&gt;0&lt;/CountRegenerate&gt;   &lt;SMSID&gt;24342676&lt;/SMSID&gt; &lt;/SmsResultModel&gt;</pre>

## Ý nghĩa các trường kết quả



Tham số	Sự miêu tả																
CodeResult	<b>Kết quả của Request</b>																
	<table border="1"><thead><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr></thead><tbody><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>104</td><td>Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy</td></tr><tr><td>118</td><td>Loại tin nhắn không hợp lệ</td></tr><tr><td>119</td><td>Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại</td></tr><tr><td>131</td><td>Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự</td></tr><tr><td>132</td><td>Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr></tbody></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy	118	Loại tin nhắn không hợp lệ	119	Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại	131	Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự	132	Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755	99	Lỗi không xác định
	Giá trị	Ý nghĩa															
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.															
	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy															
	118	Loại tin nhắn không hợp lệ															
	119	Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại															
	131	Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự															
132	Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755																
99	Lỗi không xác định																
IsSandbox																	
SMSID	ID của tin nhắn mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn.																

### 3. Hàm kiểm tra trạng thái tin nhắn

Hàm giúp bạn kiểm tra trạng thái của tin nhắn đã gửi đi.

#### Cú pháp:

`http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/GetSendStatus?RefId=XXX&ApiKey=XXX&SecretKey=XX XX`  
`https://restapi.esms.vn/MainService.svc/xml/GetSendStatus?RefId=XXX&ApiKey=XXX&SecretKey=XXXX`

Yêu cầu này bao gồm.

### URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/</a>	<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/</a>

### Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	<b>Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)</b>	<b>Có.</b>
Secretkey		
SmsId	<b>ID của SMS được trả về sau khi gọi các lệnh gửi tin.</b>	<b>Có.</b>

### Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng **URL cơ sở**. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{   "CodeResponse": "100",   "SMSID": "24312210",   "SendFailed": 0,   "SendStatus": 5,   "SendSuccess": 1,   "TotalReceiver": 1,   "TotalSent": 1 }</pre>	<pre>&lt;SmsStatusResult xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"&gt;   &lt;CodeResponse&gt;100&lt;/CodeResponse&gt;   &lt;SMSID&gt;24312210&lt;/SMSID&gt;   &lt;SendFailed&gt;0&lt;/SendFailed&gt;   &lt;SendStatus&gt;5&lt;/SendStatus&gt;   &lt;SendSuccess&gt;1&lt;/SendSuccess&gt;   &lt;TotalReceiver&gt;1&lt;/TotalReceiver&gt;   &lt;TotalSent&gt;1&lt;/TotalSent&gt; &lt;/SmsStatusResult&gt;</pre>

### Thông tin kết quả

Mã	Ý nghĩa										
smsid	Mã tin nhắn, được trả về sau khi gọi API gửi tin										
SendStatus	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Đang chờ duyệt</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Đang chờ gửi</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Đang gửi</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Bị từ chối</td> </tr> </tbody> </table>	Mã	Ý nghĩa	1	Đang chờ duyệt	2	Đang chờ gửi	3	Đang gửi	4	Bị từ chối
Mã	Ý nghĩa										
1	Đang chờ duyệt										
2	Đang chờ gửi										
3	Đang gửi										
4	Bị từ chối										

Mã	Ý nghĩa				
	<table border="1"><tr><td>5</td><td>Đã gửi xong</td></tr><tr><td>6</td><td>Đã bị xóa</td></tr></table>	5	Đã gửi xong	6	Đã bị xóa
5	Đã gửi xong				
6	Đã bị xóa				
TotalSent	Tổng số tin nhắn cần gửi				
TotalReceiver	Tổng số người nhận				
SentSuccess	Tổng số tin nhắn gửi thành công				
SentFailed	Tổng số tin nhắn gửi thất bại				

#### 4. Hàm kiểm tra chi tiết từng số trong tin nhắn

Hàm lấy danh sách số điện thoại của một tin nhắn đã gửi (dựa trên SmsID hệ thống trả về) kèm theo trạng thái gửi (Số điện thoại đó đã gửi thành công chưa?)

##### Cú pháp:

[http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetSmsReceiverStatus\\_get?&ApiKey=XXXX&SecretKey=XXXX&RefId=XXXX](http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetSmsReceiverStatus_get?&ApiKey=XXXX&SecretKey=XXXX&RefId=XXXX)

Yêu cầu này bao gồm.

##### URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
------	-----

<http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/>

<http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/>

## Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	<b>Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)</b>	<b>Có.</b>
Secretkey		
ReftId	<b>ID của SMS được trả về sau khi gọi các lệnh gửi tin.</b>	<b>Có.</b>

## Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng **URL cơ sở**. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{   "CodeResult": "100",   "ReceiverList":   [     { "IsSent": true, "Phone": "XXXX", "SentResult": true }   ] }</pre>	<pre>&lt;SmsReceiver xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPIModel" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"&gt;   &lt;CodeResult&gt;100&lt;/CodeResult&gt;   &lt;ReceiverList&gt;     &lt;Receiver&gt;       &lt;IsSent&gt;true&lt;/IsSent&gt;       &lt;Phone&gt;XXXX&lt;/Phone&gt;       &lt;SentResult&gt;true&lt;/SentResult&gt;     &lt;/Receiver&gt;   &lt;/ReceiverList&gt; &lt;/SmsReceiver&gt;</pre>

## Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
105	Id không tồn tại trong hệ thống.

## 5. Hàm lấy danh sách tin nhắn theo khoảng thời gian

### Cú pháp:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/GetSmsSentData?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&FROM={FROM}&TO={TO}>

hoặc

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetSmsSentData?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&FROM={FROM}&TO={TO}>

Yêu cầu này bao gồm.

### URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/</a>	<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/</a>

### Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	<b>Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)</b>	<b>Có.</b>
Secretkey		
From	<b>Thời gian bắt đầu (Định dạng: MM/dd/YYYY)</b>	<b>Có.</b>

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
To	Thời gian kết thúc (Định dạng: MM/dd/YYYY)	Có

### Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng [URL cơ sở](#). Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<input type="text"/>	<input type="text"/>

### Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa
SentTime	Thời gian gửi
Phone	Số điện thoại
Content	Nội dung
SmsType	Loại tin nhắn

Trường	Ý nghĩa
SentStatus	Trạng thái gửi
CodeResult	Mã kết quả của request
ErrorMessage	Chi tiết lỗi nếu có

### Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
SentTime	Thời gian gửi
Phone	Số điện thoại
Content	Nội dung
140	Thời gian không hợp lệ

## 6. Hàm lấy danh sách brandname

### Cú pháp:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetListBrandname/{ApiKey}/{SecretKey}>

Yêu cầu này bao gồm.

### URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:



JSON	XML
<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/</a>	<a href="http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/">http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/</a>

## Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		

## Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{   "CodeResponse": "100",   "ListBrandName": [     {       "Brandname": "Test_Sang",       "Type": 2     },     {       "Brandname": "sangbrand",       "Type": 2     }   ] }</pre>	<pre>&lt;BrandnameListModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"&gt;   &lt;CodeResponse&gt;100&lt;/CodeResponse&gt;   &lt;ListBrandName&gt;     &lt;listbrandname&gt;       &lt;Brandname&gt;Test_Sang&lt;/Brandname&gt;       &lt;Type&gt;2&lt;/Type&gt;     &lt;/listbrandname&gt;     &lt;listbrandname&gt;       &lt;Brandname&gt;sangbrand&lt;/Brandname&gt;       &lt;Type&gt;2&lt;/Type&gt;     &lt;/listbrandname&gt;   &lt;/ListBrandName&gt;</pre>

JSON	XML
	<pre>&lt;/BrandnameListModel&gt;</pre>

### Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa						
Brandname	Brandname đăng ký						
Type	<table border="1"><thead><tr><th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Quảng cáo</td></tr><tr><td>2</td><td>Chăm sóc khách hàng</td></tr></tbody></table>	Mã	Ý nghĩa	1	Quảng cáo	2	Chăm sóc khách hàng
Mã	Ý nghĩa						
1	Quảng cáo						
2	Chăm sóc khách hàng						

### Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai api or serkey

### III. CÁC HÀM TẠO CUỘC GỌI TỰ ĐỘNG

#### 1. Hàm tạo cuộc gọi tự động theo Template

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn thoại đến 1 số điện thoại bởi mẫu cuộc gọi đã được tạo sẵn trên hệ thống.

##### Request:

Url Request có dạng:

[http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/MakeCallTemplate\\_V2?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&TemplateId={TemplateId}&Phone={Phone}&VariableListStr={VariableListStr}&SendDate={SendDate}](http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/MakeCallTemplate_V2?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&TemplateId={TemplateId}&Phone={Phone}&VariableListStr={VariableListStr}&SendDate={SendDate})

Request mẫu:

[http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/MakeCallTemplate\\_V2?ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&TemplateId=xxxx&Phone=xxxx&VariableListStr=xxxx](http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/MakeCallTemplate_V2?ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&TemplateId=xxxx&Phone=xxxx&VariableListStr=xxxx)

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
<a href="http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/">http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /json/</a>	<a href="http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/">http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /xml/</a>

#### Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
TemplateId	Id mẫu cuộc gọi đăng ký trên trang <a href="http://account.esms.vn">account.esms.vn</a>	Có.
APIKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
SecretKey	Thông tin <b>SecretKey</b> được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
VariableListStr	<b>Chuỗi biến chứa danh sách giá trị các biến của mẫu cuộc gọi, cách nhau bởi dấu “ ”, thứ tự các biến từ trái sang phải.</b>  Ví dụ: Trung 20000 (Giá trị biến 1: Trung, Giá trị biến 2: 20000)	Có khi mẫu cuộc gọi có biến
SendDate	Đặt lịch gửi tin (định dạng: yyyy/MM/dd hh:mm:ss) Ví dụ: 2017/12/12 14:00:00	Không

## Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{   "CodeResult": "100",   "SMSID": "8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf " }</pre>	<pre>&lt;SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"&gt;   &lt;CodeResult&gt;100&lt;/CodeResult&gt;   &lt;SMSID&gt;8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf &lt;/SMSID&gt; &lt;/SmsResultModel&gt;</pre>

## Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả														
CodeResult	<b>Kết quả của Request</b>														
	<table border="1"><thead><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr></thead><tbody><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>104</td><td>Mẫu cuộc gọi không tồn tại</td></tr><tr><td>105</td><td>Danh sách biên của mẫu tin không hợp lệ</td></tr><tr><td>102</td><td>Chưa có bảng giá</td></tr><tr><td>103</td><td>Số dư tài khoản không đủ</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr></tbody></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	104	Mẫu cuộc gọi không tồn tại	105	Danh sách biên của mẫu tin không hợp lệ	102	Chưa có bảng giá	103	Số dư tài khoản không đủ	99	Lỗi không xác định
	Giá trị	Ý nghĩa													
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.													
	104	Mẫu cuộc gọi không tồn tại													
	105	Danh sách biên của mẫu tin không hợp lệ													
	102	Chưa có bảng giá													
	103	Số dư tài khoản không đủ													
99	Lỗi không xác định														
SMSID	ID của tin nhắn thoại mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn thoại.														

## 2. Hàm tạo cuộc gọi tự động từ file ghi âm

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn thoại đến 1 số điện thoại bởi file ghi âm đã tạo.

### Request:

Url Request có dạng:

**[http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/MakeCallRecord\\_V2?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&TemplateId={RecordId}&Phone={Phone}&SendDate={SendDate}&NumberForward={NumberForward}&MaxRepeat={MaxRepeat}&MaxRetry={MaxRetry}&Ivr={Ivr}&TimeWaitToIvr={TimeWaitToIvr}&WaitRetry={WaitRetry}](http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/MakeCallRecord_V2?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&TemplateId={RecordId}&Phone={Phone}&SendDate={SendDate}&NumberForward={NumberForward}&MaxRepeat={MaxRepeat}&MaxRetry={MaxRetry}&Ivr={Ivr}&TimeWaitToIvr={TimeWaitToIvr}&WaitRetry={WaitRetry})**

Request mẫu:

**[http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/MakeCallRecord\\_V2?ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&TemplateId=xxxx&Phone=xxxx&SendDate=2017/12/12 14:00:00](http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/MakeCallRecord_V2?ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&TemplateId=xxxx&Phone=xxxx&SendDate=2017/12/12 14:00:00)**

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
<a href="http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /json/">http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /json/</a>	<a href="http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /xml/">http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /xml/</a>

## Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
TemplateId	Id file ghi âm tạo trên trang <a href="http://account.esms.vn">account.esms.vn</a>	Có.
APIKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
NumberForward	Số điện thoại được chuyển đến khi nhập đúng Ivr	Không
SendDate	Đặt lịch gửi tin (định dạng: yyyy/MM/dd hh:mm:ss) Ví dụ: 2017/12/12 14:00:00	Không
MaxRepeat	Số lần lặp lại file ghi âm khi nghe	Không
MaxRetry	Số lần gọi lại khi người nhận không bắt máy	Không
Ivr	Phím quy định khi người nhận bấm để chuyển số (phím từ: 0-9)	Không
TimeWaitToIvr	Thời gian chờ tối đa để người gọi nhấn phím	Không
WaitRetry	Khoảng cách giữa các lần gọi lại khi người nhận không bắt máy (đơn vị: giây)	Không

## Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{   "CodeResult": "100",   "SMSID": "8eb2af6d-fb4c-48 14-b9cc-4c0e3ed32edf " }</pre>	<pre>&lt;SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2 004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org /2001/XMLSchema-instance"&gt;   &lt;CodeResult&gt;100&lt;/CodeResult&gt;   &lt;SMSID&gt;8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf &lt;/SM SID&gt; &lt;/SmsResultModel&gt;</pre>

## Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả												
CodeResult	<b>Kết quả của Request</b>												
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Giá trị</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>100</td> <td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td> </tr> <tr> <td>106</td> <td>File ghi âm không tồn tại</td> </tr> <tr> <td>105</td> <td>Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ</td> </tr> <tr> <td>102</td> <td>Chưa có bảng giá</td> </tr> <tr> <td>103</td> <td>Số dư tài khoản không đủ</td> </tr> </tbody> </table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	106	File ghi âm không tồn tại	105	Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ	102	Chưa có bảng giá	103	Số dư tài khoản không đủ
	Giá trị	Ý nghĩa											
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.											
	106	File ghi âm không tồn tại											
	105	Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ											
102	Chưa có bảng giá												
103	Số dư tài khoản không đủ												

Tham số	Sự miêu tả		
	<table border="1"><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr></table>	99	Lỗi không xác định
99	Lỗi không xác định		
SMSID	ID của tin nhắn thoại mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn thoại.		

Liên hệ:

Skype: thaihabk05

Phone: 0909935469

Email: [contact@vihat.vn](mailto:contact@vihat.vn)